

iCPA

since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Trọng Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14/01/2021, giữ vị trí thành viên từ ngày 22/05/2020 đến ngày 14/01/2021)
Ông Trần Văn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/01/2021)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/05/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nghê	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/10/2020)
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/10/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Chí Thành - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

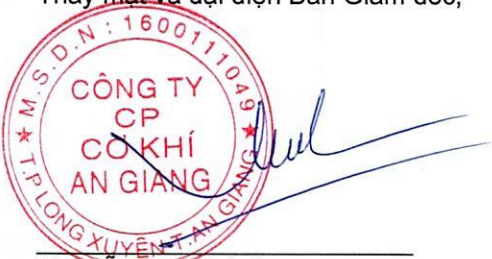
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Số: 1185/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

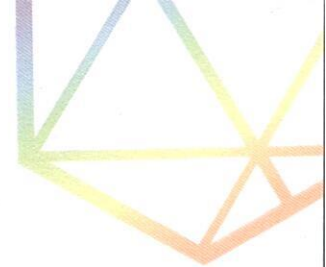
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

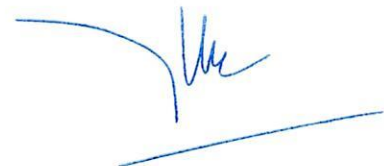
Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.17 của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải trả Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) số tiền nợ vay là 6 tỷ đồng. Khoản vay này đã đến hạn thanh toán vào ngày 16 tháng 11 năm 2012. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và VEAM chưa thực hiện ký kết các phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận gia hạn nợ. Tuy nhiên theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 14 tháng 1 năm 2021 cho thấy VEAM đã nhiều lần yêu cầu Công ty thu xếp các nguồn thu để thanh toán dứt điểm số dư nợ nêu trên. Công ty cam kết trong năm 2021 sẽ thanh toán cho VEAM số tiền 3 tỷ đồng, số còn lại sẽ được thanh toán tiếp khi cân đối được nguồn thu.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VI.3 và chính sách kế toán có liên quan của Công ty thể hiện rằng khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của Công ty liên doanh. Giá trị lợi nhuận Công ty ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh. Do báo cáo tài chính riêng đã ghi nhận toàn bộ kết quả kinh doanh được hưởng trong công ty liên doanh nên không có bất cứ khoản điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.264.204.968	117.819.361.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.966.685.484	9.090.306.297
1. Tiền	111	V.1	5.966.685.484	9.090.306.297
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.196.587.965	86.828.870.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63.447.673.443	65.568.228.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.755.563.567	530.374.136
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.821.900.447	22.858.054.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.828.549.492)	(2.127.786.609)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	20.038.225.229	21.353.088.200
1. Hàng tồn kho	141		21.762.733.525	22.685.597.827
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.724.508.296)	(1.332.509.627)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.706.290	147.096.905
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	62.706.290	96.919.097
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8.a	-	50.177.808
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.445.865.105	63.661.451.230
I. Tài sản cố định	220		22.781.072.695	21.899.417.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.781.072.695	21.899.417.228
- Nguyên giá	222		51.853.277.786	48.466.116.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.072.205.091)	(26.566.699.494)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.565.843.521	29.588.969.780
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.565.843.521	29.588.969.780
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.142.735.532	4.216.850.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	3.472.818.137	3.554.517.392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	669.917.395	662.333.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		147.710.070.073	181.480.812.817

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.298.838.069	99.298.533.914
I. Nợ ngắn hạn	310		56.087.606.070	99.058.847.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	8.904.018.365	5.431.356.093
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.053.758.074	34.786.177.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8.b	2.490.284.290	2.128.376.627
4. Phải trả người lao động	314		1.649.902.815	1.644.502.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.766.333.785	10.252.893.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	7.648.641.608	7.689.193.072
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	22.000.000.000	34.004.904.426
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.574.667.133	3.121.443.352
II. Nợ dài hạn	330		211.231.999	239.686.003
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	90.000.000	90.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	121.231.999	149.686.003
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.411.232.004	82.182.278.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	91.338.696.101	82.093.740.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	16.003.750.487
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.208.362.179	29.807.717.390
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.234.909.390	19.138.591.826
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.973.452.789	10.669.125.564
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	88.538.903
2. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	88.538.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		147.710.070.073	181.480.812.817

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P. Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	134.309.079.034	135.407.246.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	98.567.980	22.500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	134.210.511.054	135.384.746.660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.329.762.933	107.163.595.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.880.748.121	28.221.151.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.140.816.401	16.980.034.583
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.370.782.160	2.383.454.341
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.299.731.966	2.379.203.821
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(3.861.598.818)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.588.238.725	2.660.754.194
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.268.713.806	19.809.554.728
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		18.793.829.831	16.485.823.921
12. Thu nhập khác	31	VI.7	466.771.236	335.297.478
13. Chi phí khác	32		205.002	92.481.301
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		466.566.234	242.816.177
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.260.396.065	16.728.640.098
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	334.358.578	595.976.603
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.13	(36.037.926)	462.484.119
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.962.075.413	15.670.179.376
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		18.962.075.413	15.670.179.376
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.813	3.962


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P. Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.260.396.065	16.728.640.098
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.505.505.597	3.039.129.517
Các khoản dự phòng	03	92.761.552	500.162.230
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.840.705	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.099.986.518)	(13.106.708.464)
Chi phí lãi vay	06	1.299.731.966	2.379.203.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.070.249.367	9.540.427.202
Giảm các khoản phải thu	09	688.219.991	2.256.591.700
Giảm hàng tồn kho	10	922.864.302	8.995.772.641
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(30.099.960.612)	14.740.574.475
Giảm chi phí trả trước	12	115.912.062	603.384.975
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.386.168.529)	(2.378.694.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(595.976.603)	(214.538.791)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	74.800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.707.090.531)	(3.328.617.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.991.950.553)	30.289.700.633
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.432.404.585)	(26.493.248.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.080.049.991	97.893.692
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(600.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.409.359.567	23.205.429.004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.457.004.973	(3.589.925.524)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	67.635.531.231	68.198.766.398
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(79.640.435.657)	(87.636.000.709)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.577.712.426)	(26.010.042.311)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.112.658.006)	689.732.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.090.306.297	8.400.573.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.962.807)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.966.685.484	9.090.306.297


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 P.Trưởng phòng TCKT


 Nguyễn Chí Thành
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	430.690.928	458.151.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.535.994.556	8.632.155.162
Cộng	5.966.685.484	9.090.306.297

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Khách hàng là bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	208.680.739	232.207.350
Khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng An Đại Lộc	5.616.002.156	7.419.066.300
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tiên	4.500.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	1.890.491.000	5.353.952.000
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	411.270.000	8.644.284.636
Các khách hàng khác	50.821.229.548	43.918.718.221
Cộng	63.447.673.443	65.568.228.507

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông - Chi nhánh Cần Thơ	787.680.000	-
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	-	130.000.000
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	-	70.000.000
Các nhà cung cấp khác	967.883.567	330.374.136
Cộng	1.755.563.567	530.374.136

Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	3.004.806	-
--	-----------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	18.986.566.937	21.264.120.697
Tạm ứng cho nhân viên	766.809.146	628.267.610
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	600.667.000	600.667.000
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	43.499.500
Các khoản phải thu khác	169.517.428	23.159.408
Cộng	20.821.900.447	22.858.054.151
 <i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	18.986.566.937	21.264.120.697
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.450.000	8.450.000
Cộng	18.995.016.937	21.272.570.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.142.975.081	314.425.589	(1.828.549.492)	208.937.353
			2.336.723.962	(2.127.786.609)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.251.948.675	(149.717.165)	8.804.834.352	-
Công cụ, dụng cụ	164.643.057	(132.061.226)	174.277.874	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.883.243.935	-	6.240.036.247	-
Thành phẩm	2.042.127.087	(1.403.877.986)	4.434.674.964	(1.332.509.627)
Hàng hóa	2.420.770.771	(38.851.919)	3.031.774.390	-
Cộng	21.762.733.525	(1.724.508.296)	22.685.597.827	(1.332.509.627)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.706.290	96.919.097
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, thuê đất chờ phân bổ (i)	2.083.333.334	2.291.666.667
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.279.018.345	1.057.698.732
Chi phí sửa chữa tài sản	110.466.458	205.151.993
Cộng	3.472.818.137	3.554.517.392

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	50.177.808	50.177.808	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.532.400.024	6.396.305.583	5.775.207.895	2.153.497.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.976.603	334.358.578	595.976.603	334.358.578
Thuế thu nhập cá nhân	-	560.197.328	557.769.328	2.428.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.638.755.398	1.638.755.398	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	71.611.048	71.611.048	-
Cộng	2.128.376.627	9.001.227.935	8.639.320.272	2.490.284.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	16.400.761.444	25.099.647.884	6.740.531.030	225.176.364	48.466.116.722
Tăng trong năm	-	3.294.985.455	-	-	3.294.985.455
Xây dựng cơ bản hoàn thành	92.175.609	-	-	-	92.175.609
Tại ngày 31/12/2020	16.492.937.053	28.394.633.339	6.740.531.030	225.176.364	51.853.277.786
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	8.703.098.053	12.416.890.645	5.269.408.935	177.301.861	26.566.699.494
Khấu hao trong năm	572.039.668	1.605.590.106	296.248.550	31.627.273	2.505.505.597
Tại ngày 31/12/2020	9.275.137.721	14.022.480.751	5.565.657.485	208.929.134	29.072.205.091
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	7.697.663.391	12.682.757.239	1.471.122.095	47.874.503	21.899.417.228
Tại ngày 31/12/2020	7.217.799.332	14.372.152.588	1.174.873.545	16.247.230	22.781.072.695

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9.289.551.615 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 6.860.351.838 VND).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 605.753.052 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 439.205.052 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.17, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.648.393.322 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 lần lượt là 11.085.813.207 đồng và 3.391.615.055 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời	1.045.243.521	-
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Dự án xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô (i)	-	29.068.369.780
Cộng	1.565.843.521	29.588.969.780

(i) Dự án Xây dựng trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC). TCTC có trách nhiệm góp vốn để sửa chữa trung tâm này. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo và trang bị cho Trung tâm, Công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án (xem thêm tại Thuyết minh VII.2).

Mặc dù tài sản đã chuyển giao cho TCTC sử dụng nhưng Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình vẫn do Công ty đứng tên do công trình nằm trên đất Công ty thuê của Nhà nước và trả tiền thuê hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	(i) 7.956.213.357	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	7.956.213.357			7.956.213.357

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2019	520.541.987	454.589.602	975.131.589
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	509.573.598	(196.775.482)	312.798.116
Tại ngày 01/01/2020	10.968.389	651.365.084	662.333.473
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(279.278.553)	271.694.631	(7.583.922)
Tại ngày 31/12/2020	290.246.942	379.670.453	669.917.395
b. Thuế hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(149.686.003)	-	(149.686.003)
Tại ngày 01/01/2020	149.686.003	-	149.686.003
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(28.454.004)	-	(28.454.004)
Tại ngày 31/12/2020	121.231.999	-	121.231.999
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(36.037.926)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	52.551.700	52.551.700	324.934.250	324.934.250
Người bán khác				
Kokura Tetsudo Co.Ltd.	2.381.184.000	2.381.184.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	1.407.891.978	1.407.891.978	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 67 Long Xuyên	10.198.273	10.198.273	1.095.406.152	1.095.406.152
Các nhà cung cấp khác	5.052.192.414	5.052.192.414	4.011.015.691	4.011.015.691
Cộng	8.904.018.365	8.904.018.365	5.431.356.093	5.431.356.093

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	7.701.836.487	8.989.459.763
Chi phí lãi vay	19.497.298	1.105.933.861
Chi phí phải trả khác	45.000.000	157.500.000
Cộng	7.766.333.785	10.252.893.624
<i>Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	1.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Lợi nhuận phải trả	406.081.488	406.081.488
Các khoản khác	107.748.937	148.300.401
Cộng	7.648.641.608	7.689.193.072
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
<i>Trong đó, phải trả khác với bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (i)	406.081.488	406.081.488

(i) Đây là lợi nhuận liên doanh trước khi thực hiện cổ phần hóa phải trả cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	16.000.000.000	16.000.000.000	65.531.626.367	72.562.396.992	23.030.770.625	23.030.770.625
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	-	-	2.103.904.864	4.580.181.616	2.476.276.752	2.476.276.752
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000	67.635.531.231	77.142.578.608	25.507.047.377	25.507.047.377
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000			8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000			34.004.904.426	34.004.904.426

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTPC	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)			(8.497.857.049)	(8.497.857.049)
Tổng cộng	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	16.000.000.000	6 tháng	03/05/2021	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	32.864.040.000	13.653.223.581	3.418.232.123	25.711.399.826	75.646.895.530
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.670.179.376	15.670.179.376
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.350.526.906	-	(2.350.526.906)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.650.526.906)	(2.650.526.906)
Tại ngày 01/01/2020	32.864.040.000	16.003.750.487	3.418.232.123	29.807.717.390	82.093.740.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.962.075.413	18.962.075.413
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.844.311.312	-	(2.844.311.312)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(3.144.311.312)	(3.144.311.312)
Tại ngày 31/12/2020	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	36.208.362.179	91.338.696.101

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty và các Công ty con theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020 do Đại hội đồng Cổ đông 2020 phê duyệt. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 5 năm 2020 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 6.572.808.000 đồng. Cổ tức của năm 2010 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	63.966.846.307	93.035.129.819
Doanh thu bán thành phẩm	45.507.891.738	26.122.661.049
Doanh thu bán hàng hóa	22.554.377.353	13.699.746.699
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.279.963.636	2.549.709.093
Cộng	134.309.079.034	135.407.246.660
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	98.567.980	22.500.000
Chiết khấu thương mại	-	-
Cộng	98.567.980	22.500.000
Doanh thu thuần	134.210.511.054	135.384.746.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	53.411.151.246	71.882.551.531
Giá vốn bán thành phẩm	35.783.561.952	21.031.808.973
Giá vốn bán hàng hóa	21.091.957.093	12.493.367.574
Giá vốn cung cấp dịch vụ	651.093.973	903.716.930
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	391.998.669	852.150.233
Cộng	<u>111.329.762.933</u>	<u>107.163.595.241</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco (i)	18.986.566.937	16.264.120.697
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.739.370	708.490.110
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.510.094	7.423.776
Cộng	<u>19.140.816.401</u>	<u>16.980.034.583</u>

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	<u>18.986.566.937</u>	<u>16.264.120.697</u>
---------------------------------	-----------------------	-----------------------

(i) Lợi nhuận được ghi nhận theo tỷ lệ sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm đã được kiểm toán của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Giá trị ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh.

4. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	1.299.731.966	2.379.203.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	59.209.489	4.250.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	11.840.705	-
Cộng	<u>1.370.782.160</u>	<u>2.383.454.341</u>

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	<u>273.554.696</u>	<u>552.534.245</u>
--	--------------------	--------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.530.597.000	987.109.000
Chi phí nhân viên	277.969.040	477.170.870
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.502.671	22.502.672
Chi phí vật liệu bao bì	2.653.944	22.895.000
Chi phí vận chuyển, thử tải	514.790.976	920.318.604
Chi phí bảo hành	115.748.622	86.084.596
Chi phí bằng tiền khác	123.976.472	144.673.452
Cộng	2.588.238.725	2.660.754.194

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.956.164.887	14.010.619.400
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.242.359	161.903.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	475.960.708	745.140.960
Thuế, phí và lệ phí	1.208.435.778	1.420.382.660
Chi phí dự phòng	1.126.581.559	140.960.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.873.658.384	1.526.780.237
Chi phí bằng tiền khác	1.486.670.131	1.803.767.280
Cộng	19.268.713.806	19.809.554.728

7. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu hồi nợ đã xóa sổ	354.138.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	11.680.211	97.893.692
Thu hỗ trợ thực hiện đề án khuyến nông quốc gia	-	195.000.000
Thu nhập khác	100.953.025	42.403.786
Cộng	466.771.236	335.297.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.260.396.065	16.728.640.098
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	686.192.079	1.289.597.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(18.986.566.937)	(16.283.063.122)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	3.861.598.818
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	682.019.457
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	1.538.662.780	(3.298.909.385)
Thu nhập chịu thuế	2.498.683.987	2.979.883.016
Chuyển lỗ	(167.376.498)	-
Thu nhập tính thuế	2.331.307.489	2.979.883.016
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	466.261.498	595.976.603
Thuế TNDN được giảm (i)	(131.902.920)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	334.358.578	595.976.603

(i) Đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số 114/ 2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020. Theo đó, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	18.962.075.413	15.670.179.376
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(3.144.311.312)	(2.650.526.906)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.817.764.101	13.019.652.470
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.813	3.962

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất. Số trích lập của năm 2020 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.590.106.264	1.804.096.816
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	11.859.178.277	13.849.967.847
Cộng	21.813.127.037	23.803.916.607

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

2. Cam kết không hủy ngang

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	2.497.857.049	3.000.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.106.746.300	2.105.453.782
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	280.500.000	282.000.000

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P.Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Văn phòng CÔNG TY

Tầng 15, Toà nhà Center Building - Hapulico Coplex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh SÀI GÒN

Tầng 4, Toà nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường 4
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh MIỀN TRUNG

Tầng 9, Toà nhà Viettel
Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh NGHỆ AN

Tầng 18, Toà nhà Dầu khí Nghệ An
7 Quang Trung, Phường Quang Trung
TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0225) 379 7268

☎ (0225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi

☎ (+84 24) 6664 2777

☎ (+84 24) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Ward 4
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

☎ (+84 28) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

9th Floor, Viettel Building
Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

NGHE AN Branch

18th Floor, Petrol Nghe An Building
7 Quang Trung, Quang Trung Ward
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 225) 379 7268

☎ (+84 225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

icpa.vn